

Kỳ tích và những yêu cầu cấp thiết

ANH KHOA - VĂN CỘNG

Bài 1: Dấu ấn thời khẩn hoang

Vùng ĐBSCL đã trở thành nơi sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước và nơi cung cấp nguồn lương thực lớn cho thế giới. Để có được kỳ tích này là sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và người nông dân nhiều thập kỷ qua đầu tư khai hoang mở đất-đặc biệt là vai trò không thể thiếu của hệ thống thủy lợi - "mạch máu" luôn thông suốt mang nặng phù sa, giúp cây lúa đồng bằng trổ nặng bông...

Xưa kia, ĐBSCL là vùng đất hoang vu, bị nhiễm chua phèn nặng, rất khó phát triển sản xuất nông nghiệp. Vậy mà bây giờ, ĐBSCL là một đồng bằng trù phú. Nơi đây không chỉ là vựa lúa, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, còn là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước; nơi cung cấp lượng gạo, trái cây và nhiều loại thủy sản xuất khẩu đứng đầu cả nước. Điều gì đã làm nên "kỳ tích" này? Lời giải chính là ở công lao khai phá, kỳ công xây dựng các công trình thủy lợi khai hoang, cải tạo đất...

"Đánh thức" đất lành

Hàng trăm năm trước, những cư dân Việt đầu tiên đã có mặt ở ĐBSCL khẩn hoang, làm thủy lợi, trồng lúa, trồng hoa màu, nuôi trồng đánh bắt thủy sản. Theo các tài liệu ghi chép, từ thế kỷ thứ 17 đến thế kỷ 18, người Việt đã liên tiếp có những cuộc di dân từ miền Bắc, miền Trung vào Nam bộ, từ Đông Nam bộ xuống ĐBSCL. Lưu dân Việt đã khai phá vùng ĐBSCL từ cuối thế kỷ 17, các vùng đất mà ông cha ta đặt chân khai phá đầu tiên thuộc 2 bên sông Vàm Cỏ Tây, rồi chuyển dần xuống sông Tiền và các cù lao sông Tiền - vì đây là những vùng đất rộng lớn không bị ngập lụt. Đến nửa đầu thế kỷ 18, các điểm định cư khai phá đã được hình thành hầu hết ở các khu vực và cù lao dọc theo sông Tiền và sông Hậu.

Theo các nhà nghiên cứu, thế kỷ 17 và 18, cư dân Việt, cùng người Khmer, người Hoa... đã khai khẩn được một vùng đất rộng lớn ở ĐBSCL. Cư dân Việt có kinh nghiệm trồng lúa nước hàng ngàn năm cộng với tri thức nông nghiệp đã giúp họ tìm ra cách thức canh tác lúa tại vùng đất mới một cách sáng tạo và có hiệu quả. Từ thế kỷ 18, cùng với Đông Nam bộ, ĐBSCL đã trở thành vựa lúa lớn, sản xuất dư thừa và bán ra các xứ ở Đàng Trong, thậm chí bán ra nước ngoài. Tuy nhiên, nhìn chung điều kiện canh tác lúa tại ĐBSCL khi ấy vẫn còn khắc nghiệt và phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, đất đai trong vùng phần lớn vẫn còn là rừng rậm, hoang vu, sinh lầy, đồng cỏ rậm rạp, con người phải đương đầu với muỗi mòng, thú dữ, bệnh dịch, chim chuột phá hoại mùa màng, nước lụt, nước mặn, phèn nhiều... Vì vậy, từ cuối thế kỷ thứ 18, để khuyến khích người dân khai hoang mở đất, chúa Nguyễn ở Đàng Trong và nối tiếp sau đó là các Triều Nhà Nguyễn đã có nhiều chính sách khuyến khích việc khai hoang, lập đồn điền. Đáng chú ý là việc cho lập cơ quan gọi là Sở Đồn Điền chuyên trách khuyến khích binh lính tại ngũ khai phá những vùng đất bỏ hoang. Đồng thời, ban hành các chỉ dụ khai hoang và chính sách

khuyến khích mộ dân lập đồn điền như: người nào mộ được 10 người trở lên thì cho làm quản trại và được trừ tên trong sổ làng, không bị bắt đi lính; miễn đóng thuế nông nghiệp cho đất mới khai hoang; cấp phát hoặc cho người dân mượn trâu bò, lúa giống và các nông cụ sản xuất... Đến cuối thế kỷ 19 đã có khoảng 10% diện tích vùng ĐBSCL được khai phá để phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong thời kỳ Pháp thuộc, việc tiếp tục đầu tư các kênh thủy lợi giúp khẩn hoang, phát triển thủy lợi kết hợp với giao thông thủy đã làm cho sản lượng lúa trong vùng có nhiều lúc không chỉ dư ăn mà còn được xuất khẩu.



Kênh Vĩnh Tế phục vụ xả lũ ra biển Tây rất tốt và cung cấp nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp vùng An Giang, Kiên Giang. Ảnh: ANH KHOA

Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (1975), dù ĐBSCL đã được khai phá nhiều nhưng vẫn còn phần lớn diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn và bị ảnh hưởng bởi lũ lụt. ĐBSCL có diện tích tự nhiên hơn 3,96 triệu héc-ta. Trong đó có khoảng 1,5 triệu héc-ta đất tại vùng Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười bị chua phèn không thể sản xuất nông nghiệp được, khoảng 1,4 -1,5 triệu héc-ta vùng ven biển bị mặn xâm nhập vào mùa khô làm giảm thời gian trồng trọt và hơn 1,4 triệu héc-ta ở thượng nguồn sông Cửu Long còn bị ảnh hưởng nặng bởi nước lũ... Chính vì vậy, việc phát triển sản xuất nông nghiệp tại ĐBSCL còn nhiều trở ngại do tình trạng lũ lụt, ngập úng, bị chua phèn, mặn và hạn hán, thiếu nước ngọt phục vụ sản xuất. Để cải tạo vùng ĐBSCL, thúc đẩy phát triển sản xuất, Đảng và Nhà nước ta xác định, đầu tư phát triển thủy lợi là giải pháp hàng đầu. Nhiều công trình thủy lợi đã được đầu tư xây dựng như: các trục kênh dẫn nước ngọt cải tạo đất phèn, các cống đập và đê ngăn lũ, ngăn mặn... đã giúp ĐBSCL nhanh chóng trở thành vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước. ĐBSCL không chỉ nắm giữ vai trò quan trọng trong an ninh lương thực quốc gia mà còn có nhiều đóng góp cho an ninh lương thực thế giới.

Dấu ấn từ những công trình quan trọng

ĐBSCL lấy nước ngọt từ 2 nguồn chính là nước mưa và từ sông Mekong nhưng phụ thuộc theo mùa. Mùa khô thì hoàn toàn phụ thuộc vào nước sông.

Với đoạn sông Mekong chảy vào lãnh thổ nước ta ra đến biển dài 225km, ông cha ta đã đầu tư xây dựng thêm nhiều tuyến kênh rạch kết nối vào các nhánh của dòng sông Mekong với tổng chiều dài lên đến trên 10.000 km để

cải tạo đất, chủ động nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Việc đầu tư xây dựng các đê bao và cống đập chống lũ, ngăn nước mặn đã giúp nhiều diện tích đất bị ảnh hưởng của nước mặn và lũ lụt có thể sản xuất nông nghiệp quanh năm.

Nhiều chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp cho rằng: Thành công trong việc "đánh thức" vùng đất ĐBSCL trù phú có "dấu ấn" rất quan trọng của công tác phát triển thủy lợi, nhất là việc đầu tư xây dựng các kênh thủy lợi, các đê bao và cống đập ngăn lũ, ngăn mặn. Theo Tiến sĩ Lê Văn Bảnh, Viện trưởng Viện Lúa ĐBSCL, nếu không có các công trình thủy lợi giúp xả phèn, rửa mặn, cải tạo đất, tăng diện tích sản xuất lúa và xây dựng các đê bao khép kín chủ động nguồn nước tưới tiêu... thì sản xuất lúa tại ĐBSCL khó đạt được bước phát triển vượt bậc. Năm 1976, sản lượng lúa toàn vùng chỉ khoảng 4,2 triệu tấn nhưng hiện đã đạt trên 23 triệu tấn/năm. Trước đây, sản xuất lúa tại ĐBSCL chỉ làm được 1 vụ trong năm. Hiện nay, nhiều địa phương trong vùng đã sản xuất được 3 vụ lúa/năm.

Có nhiều công trình thủy lợi dù được đầu tư xây dựng từ rất lâu nhưng đến nay vẫn phát huy hiệu quả và có ý nghĩa quan trọng bậc nhất cho phát triển sản xuất nông nghiệp tại các địa phương. Điển hình là kênh đào Vĩnh Tế - một công trình thủy lợi vĩ đại phục vụ khẩn hoang, phát triển giao thương và trấn thủ bờ cõi phía Nam được xây dựng cách nay gần 200 năm. Kênh Vĩnh tế trải dài từ Châu Đốc đến Hà Tiên, dài hơn 90 km được Nguyễn Văn Thoại (Thoại Ngọc Hầu) thời nhà Nguyễn trực tiếp chỉ huy và huy động hơn 80.000 người đào ròng rã 5 năm liền (từ năm 1819 đến 1824). Vua Minh Mạng đã lấy tên vợ của Thoại Ngọc Hầu (bà Châu Thị Vĩnh Tế) để đặt tên cho con kênh này khi nó hoàn thành. Theo Chi cục Thủy lợi tỉnh An Giang, kênh Vĩnh Tế đang phục vụ nước tưới tiêu cho khoảng 50.000 ha sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh. Nếu tính luôn tỉnh Kiên Giang, tuyến kênh còn phục vụ nước tưới tiêu với diện tích tăng lên đáng kể. Anh Trần Văn Niên, cán bộ Văn phòng UBND xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, cho biết: "Vĩnh Tế là kênh quan trọng giúp dẫn nước ngọt vào các kênh mương nội đồng để phục vụ sản xuất lúa và sản xuất nông nghiệp nói chung tại các địa phương thuộc vùng 7 núi tỉnh An Giang và một số địa phương thuộc tỉnh Kiên Giang. Kênh Vĩnh Tế còn có vai trò quan trọng trong việc vận chuyển buôn bán hàng hóa và tiêu thụ nông sản của người dân trong vùng...". Ông Võ Văn Khánh, ở cặp kênh Vĩnh Tế (xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang), cho rằng: "Nếu không có con kênh Vĩnh Tế, vào các tháng mùa khô, bà con không biết lấy đâu ra nguồn nước ngọt để phục vụ sinh hoạt chứ nói chi đến việc phát triển sản xuất lúa từ 1 vụ lên 2 hoặc 3 vụ/năm trong khoảng 15 năm qua...".

Vào thời kỳ Pháp thuộc, để khai thác Nam kỳ, người Pháp đã phát triển giao thông thủy ở vùng ĐBSCL. Thời kỳ đó, người Pháp đã cho nạo vét, mở rộng lại rạch Bến Lức và sông Bảo Định, kênh xáng Xà No, kênh Thốt Nốt, kênh Lái Hiếu, kênh Rạch Giá - Hà Tiên... Đến nay, các con sông, rạch, kênh này vẫn phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và giao thương hàng hóa bằng đường thủy trong vùng ĐBSCL. Riêng kênh xáng Xà No có chiều dài khoảng 40 km (thuộc Cần Thơ - Hậu Giang - Kiên Giang), nối thông vào sông Cái Lớn được người Pháp cho nạo vét trong giai đoạn 1901-1903 với bề rộng kênh 60 m. Ngoài việc giải quyết tiêu thoát nước cho khoảng 40.000 ha vùng đất phía Nam sông Hậu, phục vụ cho người dân đến khai hoang, sản xuất và sinh sống, thì Kênh xáng Xà No còn là trục quan trọng cho việc giao thương lúa gạo, nông sản trong vùng từ xưa đến nay. Hiện nay, kênh xáng Xà No cũng là tuyến đường thủy quốc gia nối liền TP Hồ Chí Minh - Cà Mau...

Tuyến kênh Thốt Nốt này bắt nguồn từ sông Hậu, qua quận Thốt Nốt, huyện Cờ Đỏ (TP Cần Thơ) đến huyện Giồng Riềng (tỉnh Kiên Giang) nên chủ yếu dẫn nước ngọt phục vụ sản xuất lúa hàng hóa cho TP Cần Thơ và tỉnh Kiên Giang... Ông Bùi Minh Xem, 65 tuổi, ở ấp Thới Hòa C, xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ, nói: "Người xưa kể lại, kênh Thốt Nốt thời xưa cạn và nhỏ hẹp, về sau được Pháp cho nạo vét lại trở thành kênh lớn. Nhờ con kênh này ở đây mới có thể sản xuất lúa thuận lợi, kể cả vào mùa khô. Trước đây, vùng đất này do ông bà khai hoang, đất bị nhiễm phèn, sau giải phóng cũng chỉ trồng lúa mùa. Nhưng nhờ phát triển hệ thống thủy lợi nội đồng, phát triển giống mới..., từ sau những năm 1980 đến nay canh tác được 2-3 vụ lúa/năm...". Ông Lâm Minh Trí, Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cờ Đỏ, cho biết: "Thốt Nốt đang là kênh huyết mạch cung cấp nước vào các kênh tạo nguồn của huyện Cờ Đỏ, phục vụ gần như toàn bộ diện tích chuyên sản xuất lúa của địa phương với khoảng 25.000 ha. Trên địa bàn huyện còn có kênh lớn khác (kênh Đứng) nối vào sông Ô Môn, cùng với kênh Thốt Nốt góp phần đưa sản xuất nông nghiệp của huyện ngày càng hiệu quả...".

Bài 2: Khẳng định hướng đầu tư đúng đắn